

Số: 46/2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 25 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chi tiết trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị quyết 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định chi tiết trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, theo quy định tại: Khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng được mua, thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở.

2. Chủ đầu tư các dự án nhà ở xã hội.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Quy định trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

1. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10 Điều 76 Luật Nhà ở đang làm việc trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc từ 20 km trở lên; đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Nhà ở đang làm việc trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc từ 10 km trở lên thì đủ điều kiện về nhà ở để được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh. Trường hợp đối tượng sở hữu nhiều nhà ở, thì khoảng cách từ nhà ở gần nhất đến địa điểm làm việc phải đảm bảo khoảng cách trên.

2. Khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến địa điểm làm việc được xác định bằng chiều dài lộ trình đường giao thông đường bộ ngắn nhất.

Điều 4. Đơn vị xác nhận khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến địa điểm làm việc cho các trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được xem xét hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội

Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này gửi đơn đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, nơi đang làm việc, UBND xã, phường để xác nhận khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của đối tượng đến địa điểm làm việc.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, hướng dẫn thực hiện và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện quy định này.

2. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội nghiên cứu, tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội đảm bảo đối tượng, tiêu chí nêu tại Điều 3 và theo các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2030.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này nếu gặp khó khăn, vướng mắc, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Vũ Việt Văn